

Số: /CTr-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2023

CHƯƠNG TRÌNH

Thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg

ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (sau đây gọi tắt là *Quyết định*); xét đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Văn bản số 590/SKH-CN-QLKH ngày 27/4/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành *Chương trình thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025*; với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tổ chức triển khai, thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nội dung, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ (KH và CN) phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 phù hợp với điều kiện thực tế của Hà Tĩnh, từ đó góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

- Xác định rõ nội dung công việc và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong quá trình tổ chức triển khai, thực hiện.

2. Yêu cầu

- Xác định nội dung công việc phải gắn với trách nhiệm và phát huy vai trò chủ động, tích cực của các cơ quan, địa phương trong việc triển khai, thực hiện Quyết định.

- Đảm bảo sự phối hợp thường xuyên, hiệu quả và thống nhất giữa các Sở, ngành có liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong tổ chức triển khai thực hiện Quyết định.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Kịp thời cung cấp những luận cứ khoa học, thực tiễn và giải pháp thúc đẩy thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thông qua các hoạt động KH và CN; góp phần phát triển kinh tế,

văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn; nâng cao chất lượng đời sống của người dân; thúc đẩy liên kết và thu hẹp khoảng cách giữa các vùng miền.

2. Mục tiêu cụ thể

- Tối thiểu 75% đề tài, dự án, mô hình KH và CN được triển khai trong Chương trình trên địa bàn tỉnh được tiếp tục duy trì và nhân rộng.

- Tối thiểu 70% mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp và nông thôn được triển khai trong Chương trình có sự liên kết theo chuỗi giá trị.

- 100% sản phẩm thuộc Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ, truy xuất nguồn gốc và kiểm soát chất lượng.

III. NỘI DUNG

1. Triển khai hiệu quả các cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách theo hướng tích hợp giữa các chương trình, dự án trên địa bàn tỉnh với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo, lãng phí nguồn lực. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân làm KH và CN phát huy tối đa tính sáng tạo.

- Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách hỗ trợ các cơ sở, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ nông dân, chủ thể OCOP áp dụng KH và CN vào sản xuất, bảo quản, chế biến sau thu hoạch, đặc biệt các Nghị quyết của HĐND tỉnh: số 95/2022/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 về một số chính sách hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ 2025; số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nghiên cứu các giải pháp phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn bền vững

- Nghiên cứu phát triển và mở rộng vùng sản xuất hàng hóa tập trung kết hợp thực hiện thâm canh, sử dụng các giống cây con và quy trình sản xuất hiệu quả tạo năng suất, chất lượng, có sức cạnh tranh cao, có thị trường tiêu thụ; ưu tiên hỗ trợ phát triển các ngành hàng, sản phẩm chủ lực của tỉnh, sản phẩm đặc sản địa phương, sản phẩm OCOP.

- Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ 4.0, công nghệ truy xuất nguồn gốc, các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, tiêu chuẩn, quy chuẩn, thực hành nông nghiệp tốt (GAP), nông nghiệp hữu cơ,... nhằm hình thành các mô hình phát triển kinh tế nông nghiệp, thương mại sản phẩm, thúc đẩy liên kết sản xuất và phát triển thị trường theo chuỗi giá trị nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng nhanh công nghệ sinh học trong sản xuất chế phẩm; chọn tạo và sản xuất kết hợp với nhập khẩu giống, chuyển giao công nghệ để sản xuất các loại giống sạch bệnh, có năng suất, chất lượng cao, chống chịu được dịch bệnh và thích ứng với biến đổi khí hậu các loại cây trồng, vật nuôi.

- Đẩy mạnh tiếp thu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất nông nghiệp, thủy sản, ngành nghề nông thôn nhằm giảm ảnh hưởng đến môi trường;

chuyên đổi cơ cấu cây trồng và thời vụ cho phù hợp với quy luật diễn biến của thời tiết, khí hậu và thiên tai trên địa bàn tỉnh; chuyên đổi mùa và thời vụ đối với những cây ngắn ngày.

- Nghiên cứu các giải pháp ứng dụng công nghệ, khoa học kỹ thuật hỗ trợ hợp tác xã nông nghiệp và người dân chuyên đổi mô hình sản xuất nông nghiệp, xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh lồng ghép với biện pháp thích ứng biến đổi khí hậu; áp dụng các mô hình nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển làng nghề chế biến nông lâm thủy sản gắn với phát triển du lịch góp phần phát triển kinh tế xã hội.

- Đẩy mạnh các hoạt động ứng dụng KH và CN trong công nghiệp, tiêu thụ công nghiệp, thương mại, dịch vụ nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Phát triển các hệ thống chợ nông thôn nhằm tăng cường lưu chuyển hàng hóa, tạo thuận lợi trong mua bán, trao đổi nông sản. Quan tâm đầu tư hỗ trợ phát triển các sản phẩm thủ công, truyền thống.

- Nghiên cứu đề ra giải pháp nâng cao năng lực phòng chống, giảm nhẹ thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, đề phòng và khắc phục tình trạng sạt lở sông.

- Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa kiến trúc cảnh quan trong xây dựng nông thôn mới phù hợp với đặc thù của vùng miền và gắn với quá trình đô thị hóa.

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật trong phát triển hạ tầng nông thôn bền vững, phù hợp với điều kiện tự nhiên của tỉnh và đặc điểm văn hóa truyền thống để tạo lập môi trường, cảnh quan nông thôn xanh, sạch, đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành “nơi đáng sống”.

- Nghiên cứu, thực hiện đồng bộ các giải pháp để hạn chế thấp nhất ô nhiễm môi trường, nhất là các hoạt động thu gom, tái chế và xử lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và khu dân cư nông thôn. Phát hiện và nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến trong hoạt động bảo vệ môi trường; gắn nội dung bảo vệ môi trường với phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

3. Xây dựng và nhân rộng các mô hình trên cơ sở ứng dụng tiến bộ KH và CN để phát triển kinh tế, xã hội, xây dựng nông thôn mới

- Mô hình hợp tác, liên kết ứng dụng các công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, vật liệu mới; ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ và hiện đại hóa công tác thủy lợi để phát triển sản xuất; sơ chế và chế biến nông sản; liên kết, hợp tác giữa các vùng miền, đồng mẫu lớn; kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; ứng dụng công nghệ số trong sản xuất, thương mại nông lâm thủy sản và quản trị nông thôn.

- Mô hình ứng dụng KH và CN kết hợp với cơ giới hóa trong sản xuất, thương mại nông lâm thủy sản và quản trị nông thôn. Ưu tiên xây dựng mô hình sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản ứng dụng công nghệ cao gắn với sản xuất nông nghiệp hàng hóa, liên kết chuỗi giá trị sản phẩm phục vụ xây dựng nông thôn, phát triển các sản phẩm OCOP, cơ cấu lại ngành nông nghiệp.

- Hình thành làng sinh thái, làng thông minh đáp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai, bảo đảm phát triển nông thôn bền vững; xây dựng cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn.

- Mô hình xã hội hóa, mô hình hợp tác công tư trong đầu tư, quản lý, khai thác công trình hạ tầng nông thôn và bảo vệ môi trường. Trong đó, tập trung đề xuất các mô hình ứng dụng năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường; mô hình ứng dụng KH và CN trong xử lý nước thải, chất thải trong chăn nuôi, giết mổ và nuôi trồng thủy sản.

4. Thực hiện các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức xã hội và quảng bá thành tựu KH và CN phục vụ xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh công tác truyền thông, phát huy hiệu quả các phương tiện thông tin đại chúng và ứng dụng công nghệ thông tin để các tầng lớp nhân dân nắm bắt được các cơ chế, chính sách của Đảng và nhà nước về ứng dụng KH và CN trong phát triển sản xuất và đời sống, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Tuyên truyền nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy, tập quán sản xuất, kinh doanh của người dân và doanh nghiệp: giới thiệu các thành tựu KH và CN giải pháp mới giúp giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm; công nghệ tự động hóa; và các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tuần hoàn,...

- Thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng nông thôn mới, phổ biến nhân rộng các mô hình ứng dụng KH và CN đạt hiệu quả cao trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ, bảo vệ môi trường, việc làm nông thôn,... thông qua các buổi hội nghị, tọa đàm, các phương tiện truyền thông, các hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội nhằm thay đổi nhận thức của người dân trong phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới và thay đổi nhận thức cho người tiêu dùng về sử dụng các sản phẩm đạt các tiêu chuẩn chất lượng.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn vốn thực hiện

- Vốn ngân sách trung ương: Bố trí trong kế hoạch vốn ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Vốn ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã).

- Vốn xã hội hóa (các doanh nghiệp, hợp tác xã, các loại hình kinh tế khác, cộng đồng dân cư,...).

- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án.

- Vốn huy động hợp pháp khác.

2. Kinh phí quản lý, giám sát thực hiện Chương trình ở các cấp: Được trích từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của các đơn vị, địa phương theo phân cấp hàng năm.

3. Cơ chế tài chính của Chương trình: Thực hiện theo cơ chế tài chính của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và các quy định của pháp luật hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Là cơ quan đầu mối, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các sở, ban, ngành và địa phương có liên quan quản lý và tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình; rà soát nội dung, nhiệm vụ, đảm bảo không trùng lặp, chồng chéo với nội dung, nhiệm vụ của các kế hoạch khác và các chương trình, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tổng hợp, thẩm định, đề xuất các nhiệm vụ KH và CN trình UBND tỉnh và trực tiếp quản lý nhiệm vụ sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc Chương trình này theo đúng quy định hiện hành.

- Đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình triển khai thực hiện; chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện theo quy định.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ rà soát, lồng ghép các Chương trình KH và CN thuộc chức năng quản lý nhà nước được giao để tập trung nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện các nội dung của Chương trình trên cùng địa bàn và đảm bảo tránh trùng lặp, chồng chéo về nội dung, đối tượng thực hiện.

3. Các sở, ban, ngành: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của ngành và yêu cầu trong việc tham gia, hỗ trợ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, xây dựng kế hoạch, đề xuất các nhiệm vụ KH và CN để thực hiện Chương trình này.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Căn cứ vào Chương trình này, chủ động xây dựng kế hoạch KH và CN phù hợp với điều kiện thực tế để phục vụ nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trên địa bàn, làm cơ sở để bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp thực hiện. Hàng năm tổng hợp đề xuất các nhiệm vụ KH và CN thuộc Chương trình KH và CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ KH và CN phục vụ xây dựng nông thôn mới tại địa phương.

- Tiến hành đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ triển khai tại địa phương gửi Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Về chế độ báo cáo, kiểm tra, đôn đốc

- Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan báo cáo đột xuất, báo cáo quý (trước ngày 15 của tháng cuối quý), 6 tháng (trước 10 ngày kết thúc 6 tháng), hàng năm (trước ngày 15/12) và giai đoạn thực hiện Chương trình này này gửi về Sở Khoa học và Công nghệ.

- Giao Sở Khoa học và Công nghệ đôn đốc, tổng hợp kết quả triển khai thực hiện Chương trình này, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Trên đây là Chương trình thực hiện Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình KH và CN phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động, tích cực triển khai, thực hiện kế hoạch này, bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả; trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình, nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (*thông qua Sở Khoa học và Công nghệ*) để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: KH và CN; NN và PTNT;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₅.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh